

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24-7-2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Trường

Bà Phan Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 58/2018/QĐXX-ST ngày 06/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phụng L, sinh năm 1980;

Hộ khẩu thường trú: Tổ X, khu phố Y, phường Z, thị xã K, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay:, ấp X1, xã Y1, huyện Z1, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lương Hữu K, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ X, khu phố Y, phường Z, thị xã K, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phụng L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Phụng L và ông Lương Hữu K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000. Đến năm 2003 thì làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã

Y1, huyện Z1, tỉnh Quảng Ngãi và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, cho đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã đánh đập nhau. Từ năm 2015 cho đến nay, vợ chồng bà L sống ly thân, bà L về thành phố Y3, Đồng Nai sống và làm việc còn ông K vẫn sống tại huyện Z1.

Năm 2016, bà L đã khởi kiện ly hôn với ông K tại Tòa án nhân dân huyện Tân Thành nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng không được.

Nay, bà L thấy không còn tình cảm với ông K nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông K.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lương Hữu H, sinh ngày 06/6/2001 và Lương Hữu H1, sinh ngày 14/11/2003. Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng. Tuy nhiên, sau đó bà L có ý kiến theo đó nếu các cháu có nguyện vọng theo ai thì người đó sẽ nuôi và không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà L đang buôn bán, thu nhập bình quân mỗi tháng 15.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết

- Theo bản tự khai, bị đơn ông Lương Hữu K trình bày:

Ông K xác nhận phần trình bày của bà L về quá trình chung sống và thời gian đã đăng ký kết hôn. Ông K cho biết vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà L chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần và đã bỏ nhà đi. Nay ông K không đồng ý ly hôn với bà L vì ông K vẫn còn yêu vợ thương con. Ông K mong muốn bà L quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái mặc dù ông K không có giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Ông K xác nhận có 02 con chung như bà L trình bày. Nếu ly hôn ông K yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng. Hiện ông K buôn bán thu nhập bình quân mỗi tháng trên 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Thành thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền; trong quá trình giải quyết Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục đúng quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn ông Lương Hữu K đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà L, ông K cung cấp nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ nên cần chấp nhận cho bà L, ông K được ly hôn; giao cháu Lương Hữu H1 cho bà L nuôi dưỡng và giao cháu Lương Hữu H cho ông K nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành và các bên không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phụng L cung cấp, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án nhân dân huyện Tân Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn ông Lương Hữu K đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phụng L và ông Lương Hữu K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000. Đến năm 2003 thì cả hai mới đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân của bà L và ông K là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà L chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì cả bà L và ông K đã có lời khai đổ lỗi cho nhau, tuy nhiên cả hai cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật. Do mâu thuẫn không được giải quyết nên từ năm 2015 cho đến nay, bà L và ông K đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án, phía ông K có ý kiến muốn bà L quay về để vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng bà L không đồng ý và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Như vậy, nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông K đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được, nếu có kéo dài cuộc sống chung vợ chồng thì cũng chỉ là hình thức. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà L, cho bà L được ly hôn với ông K là phù hợp.

[4] Về con chung: Xét hiện nay cả bà L và ông K đều có công việc và có thu nhập để chăm sóc con chung. Tuy nhiên, với điều kiện và tính chất công việc của bà L, ông K thì việc giao 02 con chung cho một người nuôi dưỡng là không đảm bảo tốt được quyền lợi của các cháu. Do đó, để tạo điều kiện ổn định về mặt tâm lý, không làm ảnh hưởng đến cuộc sống hiện nay của các cháu đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu thì cần thiết giao cho bà L tiếp tục

được quyền nuôi dưỡng cháu Lương Hữu H1 và ông K được quyền nuôi dưỡng cháu Lương Hữu H là phù hợp.

Do bà L, ông K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phụng L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phụng L và ông Lương Hữu K được ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phụng L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lương Hữu H1, sinh ngày 14/11/2003 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Lương Hữu K được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lương Hữu H, sinh ngày 06/6/2001 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà L, ông K không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Phụng L và ông Lương Hữu K có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con chung, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của các cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phụng L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000983 ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thành. Như vậy, bà L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (riêng đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Thành;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Hành Đức, huyện Nghĩa Thành tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Minh Nghĩa